

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 7 – 2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Bà Nguyễn Thị Ngọc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thảo Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông K’ Đ, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số nhà X, thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Ma A, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông K’ Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Ma A đăng ký kết hôn vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung sau khi kết hôn

hòa thuận, hạnh phúc đến khi con trai K' L chết năm 2020 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2020 bà Ma A để lại 5 đứa con cho ông nuôi dưỡng rồi bỏ đi khỏi nhà, vợ chồng không nhìn mặt nhau nữa, bà Ma A cũng không về thăm các con. Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Ma A.

Về con chung: Vợ chồng có 07 con chung gồm K' L, sinh năm 1998 (đã chết năm 2020), K' Đ1, sinh ngày 23/4/2003, K' Đ2, sinh ngày 17/6/2004, K' Đ3, sinh ngày 27/3/2007, K' L1, sinh ngày 07/9/2008, K' J, sinh ngày 08/7/2013 và K' Đ4, sinh ngày 07/8/2019. Hiện hai con K' Đ1 và K' Đ2 đã thành niên ở với ai tùy con quyết định. Ông yêu cầu trực tiếp nuôi các con K' Đ3, K' L1 và K' J, giao bà Ma A nuôi con K' Đ4, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà Ma A đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K' Đ, cho ông K' Đ được ly hôn với bà Ma A.

Về con chung: Hai con chung K' Đ1, sinh ngày 23/4/2003, K' Đ2, sinh ngày 17/6/2004 đã thành niên nên không đề nghị xem xét. Giao ông K' Đ trực tiếp nuôi dưỡng 03 con K' Đ3, sinh ngày 27/3/2007, K' L, sinh ngày 07/9/2008 và K' J, sinh ngày 08/7/2013; giao bà Ma A trực tiếp nuôi dưỡng con K' Đ4, sinh ngày 07/8/2019.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc nguyên đơn ông K' Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung đối với bị đơn bà Ma A. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn bà Ma A cư trú tại thôn Tà Hine, xã Tà Hine, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông K' Đ và bà Ma A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, số đăng ký 13, ngày 23/7/1998, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông K' Đ và bà Ma A là hợp pháp. Theo ông K' Đ trình bày cuộc sống hôn nhân xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2020 bà Ma A để lại 5 đứa con cho ông K' Đ nuôi dưỡng rồi bỏ đi khỏi nhà, vợ chồng không nhìn mặt nhau nữa. Ông K' Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Ma A. Bà Ma A dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến gì về việc ông K' Đ yêu cầu ly hôn thể hiện bà Ma A không có thiện chí mong muốn đoàn tụ. Qua xác minh tại địa phương được biết ông K' Đ và bà Ma A không sống chung với nhau. Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa ông K' Đ và bà Ma A thực tế có xảy ra và đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông K' Đ.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 07 con chung gồm K' L, sinh năm 1998 (đã chết năm 2020), K' Đ1, sinh ngày 23/4/2003, K' Đ2, sinh ngày 17/6/2004, K' Đ3, sinh ngày 27/3/2007, K' L, sinh ngày 07/9/2008, K' J, sinh ngày 08/7/2013 và K' Đ4, sinh ngày 07/8/2019. Hai con K' Đ1 và K' Đ2 đã thành

niên ở với ai tùy con quyết định. Ông K' Đ yêu cầu trực tiếp nuôi các con K' Đ3, K' L và K' J, giao bà Ma A nuôi con K' Đ4. Xét yêu cầu của ông K' Đ thì thấy, trong thời gian qua các con K' Đ3, K' L và K' J ở với ông K' Đ, do ông K' Đ trực tiếp nuôi dưỡng, các con đều có nguyện vọng muốn ở với ông K' Đ. Đối với con K' Đ4 còn nhỏ, hiện đang ở với bà Ma A, bà Ma A không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của ông K' Đ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con K' Đ3, K' L và K' J cho ông K' Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao con K' Đ4 cho bà Ma A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K' Đ không yêu cầu bà Ma A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K' Đ, cho ông K' Đ được ly hôn với bà Ma A.

2. Về con chung: Giao con chung K' Đ3, sinh ngày 27/3/2007, K' L, sinh ngày 07/9/2008, và K' J, sinh ngày 08/7/2013 cho ông K' Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày các con thành niên. Giao con chung K' Đ4, sinh ngày 07/8/2019 cho bà Ma A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày con thành niên. Ông K' Đ, bà Ma A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc ông K' Đ phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông K' Đ đã nộp theo biên lai thu số 0003751 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông K' Đ đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Ông K' Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bà Ma A vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng
(số 13, ngày 23/7/1998);
- Lưu AV, HS.

Đã ký

Trần Thị Hằng